

Số: **01/2021/QĐST-DS**

Ân Thi, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10/3/2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLST - DS ngày 26/11/2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (viết tắt Sacombank)

Địa chỉ: 266 -268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Hùng – Giám đốc chi nhánh Hưng Yên

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt B – Trưởng phòng Giao dịch Phố H, Hưng Yên

Bị đơn: Anh Đoàn Quang T, SN 1979 và chị Nguyễn Thị Kh, SN 1983

Đều trú tại: Bình Hồ, Quảng Lăng, Ân Thi, Hưng Yên

Người có QLVN liên quan: Ông Đoàn Quang H, SN 1954 và bà Đoàn Thị Gi, SN 1955

Anh T, chị Kh, ông H ủy quyền cho: Bà Đoàn Thị Gi, SN 1955

Đều trú tại: Bình Hồ, Quảng Lăng, Ân Thi, Hưng Yên

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc trả nợ: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) có cho vợ chồng anh T, chị Kh vay 3 khoản gồm có:

Khoản vay thứ 1: Năm 2018, anh T, chị Kh có nhu cầu vay để bổ sung vốn sửa chữa nhà ở, vợ chồng anh T, chị Kh đã ký giấy đề nghị vay vốn ngày 22/3/2018. Ngày 23/03/2018 giữa Ngân hàng Sacombank đã ký với vợ chồng anh T, chị Kh hợp đồng tín dụng số LD1808200037 vay vốn với số tiền vay là 400.000.000 đ, anh T, chị Kh đã vi phạm lịch trả nợ trong hợp đồng, Ngân hàng đã thông báo cho anh T, chị Kh, người có QLVN liên quan biết nhưng anh T, chị Kh đã vi phạm trả nợ 3 tháng, sau đó vợ chồng ông H, bà Gi tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến nay. Tính đến ngày 09/3/2021 thì anh T, chị Kh nợ Ngân hàng là: Gốc là 322.222.230 đồng, lãi trong hạn là 43.027.564 đồng, lãi quá hạn là 504.249 đồng. Tổng số T anh T, chị Kh phải trả Sacombank ở khoản vay này là 365.754.043đ.

Hợp đồng vay vốn trên có hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay đó là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của ông H, bà Gi là 219,0m² đất ở tại nông thôn, có thời hạn sử dụng lâu dài thuộc thửa số 75 tờ bản đồ số 19. Thửa đất này đã được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 491387 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 24/12/2013, số vào sổ cấp GCN: CH 00069, tại hợp đồng thế chấp số 867 ký ngày 23/3/2018.

Khoản vay thứ 2: Thẻ tín dụng: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 02/4/2018, số tiền vay là 20.000.000 đồng. Đến ngày 09/3/2021 vợ chồng anh T, chị Kh còn nợ gốc là 22.563.558 đồng (do anh T, chị Kh sử dụng vượt hạn mức cấp thẻ), lãi quá hạn 7.794.136 đồng. Tổng số tiền anh T, chị Kh phải trả là 30.357.694 đồng

Khoản vay thứ 3: ngày 18/6/2019 giữa Ngân hàng Sacombank chi nhánh Hưng Yên và ông T, chị Kh ký kết hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1907700203 với số tiền vay là 30.000.000 đồng. Khoản vay này anh T, chị Kh đã thanh toán xong.

2.2. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Đối với khoản vay thứ 1: Hàng tháng anh T, chị Kh sẽ trả cho Ngân hàng Sacombank số tiền 5.500.000 đồng được trừ vào gốc và lãi phát sinh thực tế trên nợ gốc. Thời hạn thanh toán là ngày 24 hàng tháng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với lãi trong hạn số tiền là 43.027.564 đồng và lãi quá hạn 504.249 đồng. Tổng số tiền là: 43.531.813 đồng. Thống nhất thỏa thuận anh T, chị Kh có trách nhiệm trả khoản lãi này thành hai kỳ:

Kỳ 1: Anh T, chị Kh sẽ thanh toán trả Sacombank số tiền 21.765.907 đồng, chậm nhất là ngày 30/11/2021.

Kỳ 2: Anh T, chị Kh sẽ thanh toán trả Sacombank số tiền 21.765.906 đồng, chậm nhất là ngày 31/5/2022.

Khoản vay thứ 2: Anh T, chị Kh sẽ thanh toán nợ gốc 22.563.558 đồng, chậm nhất ngày 30/6/2021. Còn lãi quá hạn 7.794.136 đồng, đại diện phía Ngân hàng sẽ trình xin miễn lãi cho anh T, chị Kh sau khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp anh T, chị Kh, bà Gi, ông H vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét các

thủ tục kê biên và phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp số 867 ký ngày 23/3/2018 để thu hồi toàn bộ nợ vay một lần.

Nếu khối tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì anh T, chị Kh cùng với bà Gi, ông H phải tiếp tục trả phần nợ còn lại cho Sacombank.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung thỏa thuận nêu trên, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành không thi hành thì phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số LD1808200037 ký ngày 23/3/2018 và thẻ tín dụng ký ngày 02/4/2018 trên phần nợ gốc tương ứng với số tiền và thời Gìn chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Về án phí:* Anh T, chị Kh tự nguyện chịu cả 9.902.793 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, anh T, chị Kh, bà Gi, ông H có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự nên giảm một phần án phí cho anh T, chị Kh là 2.475.000 đồng. Anh T, chị Kh còn phải chịu án phí dân sự là 7.427.000 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 9.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000721 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục THA dân sự huyện Ân Thi;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Lương Hồng